TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 16/2021/QĐST-DS	*TP Thái Nguyên, ngày 23 tháng 4 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 146, 147, 201, 212, 213, 217, 218, 219 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 208, 209, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 162/2020/TLST- DS ngày 18 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1959; ĐKHKTT: Tổ 15, phường Q, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thanh Na – Thực hiện Trợ giúp pháp lý .

Bị đơn: Ông Nguyễn Thế D, sinh năm 1955; ĐKHKTT: Tổ 6, phường T, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1953; ĐKHKTT: Số 50, đường Tân Quang, tổ 11, phường G, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

+ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1951; ĐKHKTT: Tổ 15, phường Q, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2. 1. Về việc giải quyết tranh chấp: Ông Nguyễn Thế D, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận:

Bà Nguyễn Thị B và Nguyễn Thị T được đồng quyền sử dụng diện tích đất 65m2 (phía giáp đường bê tông) và đồng quyền sở hữu toàn bộ tài sản trên đất là một phần nhà hai tầng (nhà đã cũ) thuộc thửa 01 tờ bản đồ 39 tại tổ 33 (nay là tổ

15) phường Q, TP Thái Nguyên (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 265673 ngày 08/11/1997 mang tên cụ Triệu Thị Dè).

(Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu từ tên cụ Triệu Thị D sang tên bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị B)

2.2. Về trách nhiệm đối với bà Nguyễn Thị T: Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng bà Nguyễn Thị T cho đến khi bà T chết. Do bà T không có chồng, con nên sau khi bà Nguyễn Thị T qua đời bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm lo chi phí mai táng, xây mộ cho bà T.

2.3. Ông Nguyễn Thế D nhất trí giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 265673 ngày 08/11/1997 mang tên cụ Triệu Thị D(bản chính) cho bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị T ngay sau khi Tòa án ban hành Quyết định hòa giải thành để bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị T làm thủ tục sang tên giấy quyền sử dụng đất.

2.4. Bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị T tự liên hệ với Cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 65 m2 (phía giáp đường bê tông), tài sản trên đất là một phần nhà hai tầng (nhà đã cũ) thuộc thửa 01 tờ bản đồ 39 tại tổ 33 (nay là tổ 15) phường Q, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2.5. Ông Nguyễn Đức T tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu độc lập: Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức T về việc yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích diện tích 65 m2 thuộc thửa 01 tờ bản đồ 39 tại tổ 33 phường Q, TP Thái Nguyên (đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I 265673 ngày 08/11/1997 mang tên cụ Triệu Thị Dè).

2.6. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B và bà Nguyễn Thị T là hộ nghèo, là người cao tuổi; ông Nguyễn Đức T là người cao tuổi; do đó các đương sự thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Loan

TAND TỈNH THÁI NGUYÊN **TAND TP THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /2021/QĐ-SCBS	*TP Thái Nguyên, ngày 08 tháng 4 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung do phát hiện lỗi về chính tả trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 11/2021/QĐST- DS ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên như sau:

Từ dòng thứ 01 đến dòng thứ 14 từ trên xuống trang 02 của Quyết định đã ghi:

"1.1: Phần đất tranh chấp: Các đương sự xác định diện tích tranh chấp là ABCD diện tích 62,1 m2, loại đất trồng cây lâu năm tại thửa 26, tờ bản đồ 01 thuộc tổ 7, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2.2: Phương án giải quyết: Chị Lưu Thị Lan Hương được quyền sử dụng diện tích đất tại vị trí AFED diện tích 31,01 m2 loại đất trồng cây lâu năm; Anh Vy Thanh Nhã, chị Trần Thị Thúy Nga được quyền sử dụng diện tích BFEC diện tích 31 m2 loại đất trồng cây lâu năm. (Có sơ đồ kèm theo).

2. Về tài sản trên đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Lưu Thị Lan Hương tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản.

4. Về án phí: Chị Lưu Thị Lan Hương tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 335.340 đồng (ba trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi đồng), (sau khi trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, chị Hương phải nộp thêm 35.340 đồng).

Nay sửa chữa, bổ sung như sau:

*"*2.1: Phần đất tranh chấp: Các đương sự xác định diện tích tranh chấp là ABCD diện tích 62,1 m2, loại đất trồng cây lâu năm tại thửa 26, tờ bản đồ 01 thuộc tổ 7, phường Trung Thành, TP Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

2.2: Phương án giải quyết: Chị Lưu Thị Lan Hương được quyền sử dụng diện tích đất tại vị trí AFED diện tích 31,01 m2 loại đất trồng cây lâu năm; Anh Vy Thanh Nhã, chị Trần Thị Thúy Nga được quyền sử dụng diện tích BFEC diện tích 31 m2 loại đất trồng cây lâu năm. (Có sơ đồ kèm theo).

2.3. Về tài sản trên đất: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Chị Lưu Thị Lan Hương tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản (đã thanh toán xong không yêu cầu Tòa án giải quyết).

2.5. Về án phí: Chị Lưu Thị Lan Hương tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 335.340 đồng (ba trăm ba mươi lăm nghìn, ba trăm bốn mươi đồng), sau khi trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003516 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, chị Hương phải nộp thêm 35.340 đồng)."

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên
- VKSND TP Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thanh Loan